

Số: 1478/QĐ-UBND

Đồng Hới, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án HTKT Khu đất ở khu vực Đồng Bàu Miêu, xã Đức Ninh (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒNG HỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/12/2025 Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng,

vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị cho chủ trương áp dụng lựa chọn quy định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;

Căn cứ Thông báo số 5167/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND phường Đồng Hới về việc thu hồi đất để thực hiện dự án HTKT Khu đất ở khu vực Đồng Bàu Miệu, xã Đức Ninh (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị);

Xét Tờ trình số 558/TTr-BQL ngày 29/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án HTKT Khu đất ở khu vực Đồng Bàu Miệu, xã Đức Ninh (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị)(đợt 1) và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết kèm theo;

Xét Biên bản thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án HTKT Khu đất ở khu vực Đồng Bàu Miệu, xã Đức Ninh (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) ngày 13/5/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể phường;

Xét Biên bản thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án HTKT Khu đất ở khu vực Đồng Bàu Miệu,

xã Đức Ninh (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị)(đợt 1) ngày 13/5/2026 của Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số: 1212/TTr-KTHT&ĐT ngày 13/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đất ở khu vực Đồng Bàu Miệu, xã Đức Ninh (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) (đợt 1) với các nội dung chính như sau:

I. Giá đất cụ thể: Có phụ lục chi tiết kèm theo

II. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Tổng diện tích đất thu hồi (đợt 1): 35.738 m²

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 57 hộ gia đình, cá nhân.

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng tiền.

4. Phương án bố trí tái định cư: Không.

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: 13.974.532.300 đồng (Mười ba tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm đồng).

7.1. Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (làm tròn): 13.974.532.300 đồng (Mười ba tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm đồng). Trong đó:

+ Bồi thường về đất:	2.001.328.000 đồng
+ Bồi thường tài sản trên đất:	205.466.893 đồng
+ Các khoản hỗ trợ:	11.767.737.583 đồng

Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ: (Chi tiết có phụ lục kèm theo)

7.2. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Chưa phê duyệt trong đợt này.

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình;

- Thời gian bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu.

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND phường phổ biến và niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có

đất bị thu hồi; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định phê duyệt cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1; phối hợp với chủ đầu tư tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định; thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới, đối tượng được bồi thường, hỗ trợ có tên tại Điều 1; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thăng Long

**(Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Chủ tịch
UBND phường Đồng Hới)**

TT	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng đất	Vị trí	Giá đất cụ thể (đồng/m²)	Ghi chú
1	75	127	802,5	LUC	1	56.000	
2	75	168	550,0	LUC	1	56.000	
3	75	184	432,4	LUC	1	56.000	
4	75	182	307,8	LUC	1	56.000	
5	75	202-1	499,5	LUC	1	56.000	
6	75	202-2	13,1	LUC	1	56.000	
7	75	211-1	740,8	LUC	1	56.000	
8	75	211-2	31,3	LUC	1	56.000	
9	75	167	990,5	LUC	1	56.000	
10	75	481	496,7	LUC	1	56.000	
11	75	212	818,6	LUC	1	56.000	
12	75	239-1	38,4	LUC	1	56.000	
13	75	239-2	45,7	LUC	1	56.000	
14	75	185-1	1.759,0	LUC	1	56.000	
15	75	185-2	696,2	LUC	1	56.000	
16	75	186	922,2	LUC	1	56.000	
17	75	201	927,2	LUC	1	56.000	
18	75	216	1.481,3	LUC	1	56.000	
19	75	217	564,3	LUC	1	56.000	
20	75	235	505,6	LUC	1	56.000	
21	75	234	489,9	LUC	1	56.000	
22	75	254	711,0	LUC	1	56.000	
23	75	265-1	475,3	LUC	1	56.000	
24	75	265-2	43,7	LUC	1	56.000	
25	75	264-1	578,6	LUC	1	56.000	
26	75	264-2	18,8	LUC	1	56.000	
27	75	285-1	802,2	LUC	1	56.000	
28	75	285-2	63,8	LUC	1	56.000	
29	75	163-1	678,1	LUC	1	56.000	
30	75	163-2	35,8	LUC	1	56.000	
31	75	163-3	5,2	LUC	1	56.000	
32	75	473	515,7	LUC	1	56.000	
33	75	298	490,3	LUC	1	56.000	
34	75	322-1	318,7	LUC	1	56.000	
35	75	322-2	43,5	LUC	1	56.000	
36	75	479-1	165,5	LUC	1	56.000	
37	75	119	523,8	LUC	1	56.000	

38	75	475	531,9	LUC	1	56.000	
39	75	150	513,5	LUC	1	56.000	
40	75	159	507,2	LUC	1	56.000	
41	75	158	531,3	LUC	1	56.000	
42	75	157	506,4	LUC	1	56.000	
43	75	223-1	583,2	LUC	1	56.000	
44	75	223-2	22,8	LUC	1	56.000	
45	75	121-1	284,9	LUC	1	56.000	
46	75	121-2	9,4	LUC	1	56.000	
47	75	149-1	620,8	LUC	1	56.000	
48	75	149-2	6,9	LUC	1	56.000	
49	75	161	566,6	LUC	1	56.000	
50	75	160	1.035,2	LUC	1	56.000	
51	75	197-1	601,5	LUC	1	56.000	
52	75	197-2	8,6	LUC	1	56.000	
53	75	222-1	505,3	LUC	1	56.000	
54	75	222-2	9,1	LUC	1	56.000	
55	75	230	497,8	LUC	1	56.000	
56	75	148	586,4	LUC	1	56.000	
57	75	162	581,2	LUC	1	56.000	
58	75	191	593,7	LUC	1	56.000	
59	75	478	582,7	LUC	1	56.000	
60	75	221	556,6	LUC	1	56.000	
61	75	232	463,3	LUC	1	56.000	
62	75	231	507,6	LUC	1	56.000	
63	75	199	579,1	LUC	1	56.000	
64	75	220	577,6	LUC	1	56.000	
65	75	233	563,1	LUC	1	56.000	
66	75	474	583,5	LUC	1	56.000	
67	75	256	573,5	LUC	1	56.000	
68	75	200-1	520,3	LUC	1	56.000	
69	75	200-2	4,8	LUC	1	56.000	
70	75	219	522,6	LUC	1	56.000	
71	75	255	517,5	LUC	1	56.000	
72	75	476	532,5	LUC	1	56.000	
73	75	477	529,9	LUC	1	56.000	
74	75	263	436,7	LUC	1	56.000	
Tổng cộng: 74 thửa đất			35.738,0				

**(Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Chủ tịch
UBND phường Đồng Hới)**

ĐVT: Đồng

TT	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
1	Hộ ông Hoàng Công Bút và những người thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Chiến (đã chết) CCCD số: 044035004174 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0333283134	44.940.000	13.225.221	271.977.621	330.142.800	
2	Hộ bà Đặng Thị Khân và những người thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Ngọc Ân (đã chết) CCCD số: 044159003547 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại liên hệ: 0858385369	30.800.000	3.026.518	181.166.518	214.993.000	
3	Hộ bà: Nguyễn Thị Phương CCCD số: 044158007014 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0372028669	24.214.400	2.379.393	140.497.833	167.091.600	
4	Hộ bà: Đặng Thị Phương Lam, CCCD số: 044174009584 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0899640918	17.236.800	1.693.750	159.801.430	178.732.000	
5	Hộ bà: Phan Thị Lưu CCCD số: 044142002249 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0389199865	28.705.600	2.820.715	172.619.275	204.145.600	
6	Hộ bà Trần Thị Ánh Hồng và những người thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Văn Minh (đã chết) CCCD số: 044170006435 Địa chỉ: TDP Tân Sơn, phường Đồng Hới Số điện thoại liên hệ: 0369915918	43.237.600	4.248.681	242.310.441	289.796.700	

7	Hộ ông: Phan Văn Hòa, CCCD số: 044054001362 Bà: Đặng Thị Hồng, CCCD số: 044154004935 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0778590508	55.468.000	5.450.484	311.737.284	372.655.800
8	Hộ bà: Phan Thị Hồng Phương CCCD số 044173005730 Ông: Đặng Văn Nam CCCD số 044071005450 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0346473937	27.815.200	2.733.221	165.650.741	196.199.200
9	Hộ ông: Đặng Văn Be CCCD số: 044052000394 Bà: Trần Thị Thảo CCCD số: 044152006011 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0857753955	50.551.200	4.967.341	286.178.461	341.697.000
10	Hộ ông Phan Văn Tuyển (đã chết) Và những người thừa kế theo pháp luật của ông Phan Văn Tuyển CCCD số: 044180009595 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại liên hệ: 0352668656	98.504.000	9.679.355	512.049.755	620.233.100
11	Hộ bà: Đặng Thị Doan, CCCD số: 044158004216 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0352668656	38.987.200	3.831.022	220.215.742	263.034.000
12	Hộ ông: Đặng Văn Tâm, CCCD số: 044072011195 Bà: Phan Thị Hồng Hạnh, CCCD số: 044173005452 Địa chỉ: TDP Giao Tế, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0915595771	51.643.200	5.074.645	303.554.965	360.272.800
13	Hộ ông Hoàng Văn Mây (đã chết) Và những người thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng Văn Mây CCCD số: 044066000131 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0363378398	51.923.200	5.102.159	280.440.479	337.465.800

14	Hộ bà: Trần Thị Bích Thủy CCCD số: 044177002599 Địa chỉ: TDP Đức Sơn, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0856155396	82.952.800	8.151.238	445.250.518	536.354.600
15	Hộ bà: Đặng Thị Huệ CCCD số: 044159005594 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0946524791	31.600.800	3.105.207	174.799.287	209.505.300
16	Hộ ông: Đặng Văn Tuấn CCCD số: 044077000024 Bà: Trần Thị Minh Huệ CCCD số: 044182000041 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0353676377	28.313.600	2.782.195	168.241.555	199.337.400
17	Hộ bà: Đặng Thị Lan CCCD số: 044156000830 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0948210903	27.434.400	2.695.802	153.141.242	183.271.400
18	Hộ ông Nguyễn Văn Thách (đã chết) - Đặng Thị Tâm (đã chết) Và những người thừa kế theo pháp luật của ông, bà Nguyễn Văn Thách - Đặng Thị Tâm CCCD số: 044074002999 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0354752597	39.816.000	3.912.462	228.034.062	271.762.500
19	Hộ bà Lê Thị Thành và những người thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Văn Khăm (đã chết) CCCD số: 044155005200 Địa chỉ: TDP Đức Môn, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0396835455	29.064.000	2.855.932	168.632.332	200.552.300
20	Hộ bà Đặng Thị Nguyệt và những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Xương (đã chết) CCCD số: 044149000155 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0986101987	33.454.400	3.287.349	191.454.789	228.196.500

21	Hộ ông Trần Minh Xiêm và những người thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Quyết (đã chết) CCCD số: 044027000008 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0905858483	88.765.600	8.722.425	503.546.985	601.035.000
22	Hộ bà: Bùi Thị Là CCCD số: 044158000186 Ông: Đặng Ngọc Kiến CCCD số: 044056005994 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0984643916	28.879.200	2.837.773	220.321.693	252.038.700
23	Hộ ông: Trần Văn Thiên CCCD số: 044048000230 Bà: Võ Thị Tâm CCCD số: 044149003018 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0911373345	27.456.800	2.698.003	163.787.683	193.942.500
24	Hộ bà: Trần Thị Huệ CCCD số: 044158005046 Địa chỉ: TDP Đức Môn, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0388711579	20.283.200	1.993.100	120.062.420	142.338.700
25	Hộ ông: Trần Văn Chiến CCCD số: 044071007126 Bà Trần Thị Ngọc CCCD số: 044170001781 Địa chỉ: TDP Đức Môn, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0773366223	9.268.000	910.707	57.866.997	68.045.700
26	Hộ ông, bà Phạm Văn Cáp (đã chết) - Đặng Thị Riệp (đã chết) Và những người thừa kế theo pháp luật của ông, bà Phạm Văn Cáp - Đặng Thị Riệp CCCD số: 044076000607 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0855571559	29.332.800	2.882.346	187.579.626	219.794.800
27	Hộ bà: Phạm Thị Phương, CCCD số: 044156000425 Ông: Trần Văn Giảng, CCCD số: 044055005292 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0815657685	29.786.400	2.926.918	187.012.558	219.725.900

28	Hộ bà Đặng Thị Huê và những người thừa kế theo pháp luật của ông Trần Chính Thi (đã chết) CCCD số: 044160006741 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0915449423	28.756.000	2.825.667	172.881.267	204.462.900
29	Hộ bà: Nguyễn Thị Thu Hiền CCCD số: 044168005734 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0984506960	28.403.200	2.791.000	168.122.320	199.316.500
30	Hộ bà Đặng Thị Huê và những người thừa kế theo pháp luật của ông Phan Văn Duận (đã chết) CCCD số: 044160000019 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0886176567	29.752.800	2.923.616	171.042.896	203.719.300
31	Hộ ông Trần Văn Phương và những người thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Tèo (đã chết) CCCD số: 044038001873 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0942817170	28.358.400	2.786.598	176.664.438	207.809.400
32	Hộ ông: Đặng Quang Chức CCCD số: 044045003512 Bà: Phan Thị Lọt CCCD số: 044145003550 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0389304100	33.936.000	3.334.673	207.998.273	245.268.900
33	Hộ bà: Đặng Thị Hoe CCCD số: 044152006450 Ông: Phan Văn Việt CCCD số: 044050004238 Địa chỉ: TDP Đức Hoa, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0904701840	16.480.800	1.619.462	104.391.542	122.491.800
34	Hộ ông Đặng Văn Đồi CCCD số: 044041000180 Bà Trần Thị Khuyên CCCD số: 044144000275 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0385543566	35.151.200	3.454.082	224.845.202	263.450.500

35	Hộ bà: Đặng Thị Luyện CCCD số: 044166001537 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0905871959	31.729.600	3.117.864	171.958.824	206.806.300
36	Hộ bà Lê Thị Tình (đã chết) và những người thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị Tình CCCD số: 044072002295 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0852113297	57.971.200	5.696.457	325.919.577	389.587.200
37	Hộ ông: Đặng Văn Nghinh CCCD số: 044049000530 Bà: Đặng Thị Thanh CCCD số: 044150000895 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0338280060	34.165.600	3.357.234	206.851.794	244.374.600
38	Hộ ông: Hoàng Văn Ngũ CCCD số: 044066001653 Bà: Đào Thị Lại CCCD số: 044166001866 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0852379276	28.806.400	2.830.620	163.783.260	195.420.300
39	Hộ ông: Trần Thanh Lăng CCCD số: 044046002477 Bà: Đặng Thị Thuận CCCD số: 044149002215 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0989794805	27.876.800	2.739.274	165.385.954	196.002.000
40	Hộ ông: Đặng Quang Tý CCCD số: 044058007456 Bà: Phan Thị Tầm CCCD số: 044159006117 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới	32.838.400	3.226.818	194.102.658	230.167.900
41	Hộ ông: Nguyễn Tiến Dũng CCCD số: 044069000011 Bà: Bùi Thị Duẩn, CCCD số: 044176007023 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới	32.547.200	3.198.204	187.908.924	223.654.300

42	Hộ bà: Đặng Thị Huê CCCD số: 044166001646 Ông: Trần Văn Chiến CCCD số: 044067003484 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0977689903	33.247.200	3.266.989	190.377.709	226.891.900
43	Hộ bà: Phan Thị Lại CCCD số: 044160000018 Ông: Đặng Văn Mắm CCCD số: 044055000019 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0914227821	32.631.200	3.206.458	198.875.578	234.713.200
44	Hộ bà: Trần Thị Bồn CCCD số: 044149006009 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0842120757	31.169.600	3.062.836	183.087.796	217.320.200
45	Hộ bà: Trần Thị Nhỏ CCCD số: 044156005791 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0328972438	25.944.800	2.549.429	149.492.909	177.987.100
46	Hộ ông: Nguyễn Văn Minh CCCD số: 044069008595 Bà: Đỗ Thị Ngọc Hạnh CCCD số: 044175002009 Địa chỉ: TDP Tân Sơn, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0961448125	28.425.600	2.793.201	175.843.761	207.062.600
47	Hộ bà Hoàng Thị Bèo (đã chết) và những người thừa kế theo pháp luật của bà Hoàng Thị Bèo CCCD số: 044060008145 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0385541537	32.429.600	3.186.648	224.737.608	260.353.900
48	Hộ ông, bà Phan Thanh Phụng (đã chết) - Trần Thị Dè (đã chết) và những người thừa kế theo pháp luật của ông, bà Phan Thanh Phụng - Trần Thị Dè CCCD số: 044081005636 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0356888700	32.345.600	3.178.394	189.200.954	224.724.900

49	Hộ ông: Phạm Văn Lam CCCD số: 044056004286 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0329964907	31.533.600	3.098.604	181.469.964	216.102.200
50	Hộ ông: Đặng Văn Cu, CCCD số: 044050000788 Bà: Đào Thị Rẹ CCCD số: 044152000773 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0971995268	32.676.000	3.210.860	196.183.460	232.070.300
51	Hộ bà: Nguyễn Thị Miên CCCD số: 044163009119 Địa chỉ: TDP Tân Sơn, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0977320540	32.116.000	3.155.833	191.517.433	226.789.300
52	Hộ ông: Hoàng Văn Tài CCCD số: 044070001403 Bà Lê Thị Na CCCD số: 044172001658 Địa chỉ: TDP Đức Sơn, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0773450108	29.405.600	2.889.499	167.483.059	199.778.200
53	Hộ ông, bà Đặng Văn Tua (đã chết) - Nguyễn Thị Ngân (đã chết) và những người thừa kế theo pháp luật của ông, bà Đặng Văn Tua - Nguyễn Thị Ngân CCCD số: 044065001078 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0349090251	29.265.600	2.875.742	169.680.302	201.821.600
54	Hộ ông: Đặng Văn Sơn CCCD số: 044067004767 Bà: Trần Thị Thuận CCCD số: 044173006912 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0336391178	28.980.000	2.847.678	185.745.678	217.573.400
55	Hộ bà: Đặng Thị Diệu CCCD số: 044157004231 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0763250057	29.820.000	2.930.220	176.072.220	208.822.400

56	Hộ bà Hoàng Thị Giang và những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Điệp (đã chết) CCCD số: 044179002937 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0705992065	29.674.400	2.915.913	171.805.353	204.395.700	
57	Hộ bà Trương Thị Đào và những người thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Xuân Lưu (đã chết) CCCD số: 044145000386 Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0932321480	24.455.200	2.403.055	156.374.575	183.232.800	
TỔNG CỘNG		2.001.328.000	205.466.893	11.767.737.583	13.974.532.300	
<i>(Bằng chữ: Mười ba tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm đồng./.)</i>						

